

Số: 95 /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2474/TTr-SXD ngày 14/8/2024, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên, với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

- Tên dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.
- Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tỉnh ủy Thái Nguyên.
- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tổng vốn thực hiện dự án: 188.111 triệu đồng.

5. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025: 32.806 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (*cấp tỉnh quản lý*) giai đoạn 2026 - 2030: 155.305 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2027.

7. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: Theo quy định của pháp luật.

8. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Quá trình triển khai xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:

- Ngày 26/7/2024, UBND tỉnh có Công văn số 4190/UBND-CNN&XD giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Ngày 10/8/2024, Sở Xây dựng có Tờ trình số 2394/TTr-SXD về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Ngày 11/8/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 3392/SKHĐT-THQH về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

2. Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án:

Ngày 14/8/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo số 3442/BC-SKHĐT về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

2. Báo cáo thẩm định số 3442/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các tài liệu liên quan khác.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án./ *xy*

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Xây dựng;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

tuantt/TTr.t8 *tu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Xuân Trường

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về chủ trương đầu tư dự án
Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng trụ sở mới nhằm đáp ứng điều kiện làm việc, công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Góp phần chỉnh trang kiến trúc cảnh quan các công trình trong cơ quan Tỉnh ủy, đóng góp vào sự phát triển chung không gian đô thị.

2. Quy mô đầu tư:

Dự án xây dựng mới trên diện tích đất khoảng 9.136 m², trong khuôn viên của Tỉnh ủy, gồm các nội dung sau:

- Nhà trụ sở làm việc với diện tích xây dựng khoảng 2.170 m², 07 tầng cao và 01 tầng hầm. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 12.075 m².

- Nâng cấp đường dây và trạm biến áp.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Hệ thống trang thiết bị phù hợp với mức độ quan trọng và cấp công trình.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác trong và ngoài nhà đồng bộ đảm bảo mặt bằng quỹ đất xây dựng và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực...

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 188.111 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

Ngân sách địa phương, trong đó dự kiến:

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025: 32.806 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (*cấp tỉnh quản lý*) giai đoạn 2026 - 2030: 155.305 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024 - 2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày..tháng .. năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Xây dựng (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Số: /TTr-SXD

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Quyết định chủ trương đầu tư
Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 4190/UBND-CNN&XD ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở Tỉnh ủy Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 1524-CV/VPTU ngày 29/7/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

Căn cứ Công văn số 3442/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Sở Xây dựng trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.
2. Dự án nhóm: Nhóm B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Người quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Chủ đầu tư: Theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 188.111 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ một trăm mười một triệu đồng*).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2027.

10. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Dự thảo Tờ trình Quyết định chủ trương đầu tư dự án.

2. Dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.

3. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (*bản cập nhật, tiếp thu ý kiến sau báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

4. Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tài liệu liên quan khác.

Sở Xây dựng trình UBND tỉnh Thái Nguyên, HĐND tỉnh Thái Nguyên xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- GĐ, các PGĐ SXD;
- Lưu: VT, QLXD (Hoa 03).

GIÁM ĐỐC

Hoàng Đức Khánh

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Quyết định chủ trương đầu tư
Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 4190/UBND-CNN&XD ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên;

Căn cứ Tờ trình số/TTr-SXD ngày tháng 8 năm 2024 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên và Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 3442/BC-SKHĐT ngày 14 tháng 8 năm 2024.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên.
2. Chủ đầu tư: Theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Tỉnh uỷ Thái Nguyên.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
5. Tổng vốn thực hiện dự án: 188.111 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ một trăm mười một triệu đồng*).
- Nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.
6. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2027.
7. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: Theo quy định của pháp luật.
8. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Quá trình triển khai xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

UBND tỉnh giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quy định của pháp luật lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Ngày 10/8/2024, Sở Xây dựng đã có Tờ trình số 2394/TTr-SXD về việc trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Ngày 14/8/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã Công văn số 3442/BC-SKHĐT về việc Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng đã chỉnh sửa, hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên và trình UBND tỉnh tại Tờ trình số/TTr-SXD ngày 14/8/2024.

Đến nay Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

2. Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

Việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án đã được Sở Kế hoạch đầu tư thực hiện và đã có báo cáo số 3442/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án.
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.
3. Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.
4. Các tài liệu liên quan khác.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Thái Nguyên xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu:...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng... năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về đề nghị quyết định chủ trương đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên, cụ thể như sau

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng trụ sở mới nhằm đáp ứng điều kiện làm việc, công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh uỷ.

- Góp phần chỉnh trang kiến trúc cảnh quan các công trình trong cơ quan Tỉnh uỷ, đóng góp vào sự phát triển chung không gian đô thị.

2. Quy mô đầu tư:

Dự án xây dựng mới trên diện tích đất khoảng 9.136m². Trong khuôn viên của Tỉnh uỷ. Gồm các nội dung sau:

- Nhà trụ sở làm việc với diện tích xây dựng khoảng 2.170m², 07 tầng cao và 01 tầng hầm. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 12.075 m².

- Nâng cấp đường dây và Trạm biến áp.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Hệ thống trang thiết bị phù hợp với mức độ quan trọng và cấp công trình.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác trong và ngoài nhà đồng bộ đảm bảo mặt bằng quỹ đất xây dựng và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.v.v.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 188.111 triệu đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ một trăm mười một triệu đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương.

Trong đó dự kiến:

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 32.806 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (cấp tỉnh quản lý) giai đoạn 2026-2030: 155.305 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024 - 2027.

8. Chủ đầu tư dự án: Theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Xây dựng (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STP-XD&KTrVB

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo
Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
dự án Xây dựng Trụ sở làm việc
Tỉnh ủy Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2348/SXD-QLXD ngày 07/8/2024 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Sau khi nghiên cứu Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên có ý kiến như sau:

1. Dự thảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên được Sở Xây dựng lập trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 4190/UBND-CNN&XD ngày 26/7/2024 về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công.

Theo quy định tại Điều 10, Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án được gửi “Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án”, đề nghị Sở Xây dựng căn cứ vào quy định trên để tham mưu dự thảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên phù hợp.

Các nội dung của Báo cáo đề xuất đề nghị tham vấn ý kiến của các cơ quan chuyên ngành liên quan.

2. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh theo Mẫu 01 Phụ lục II Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, đề nghị bổ sung “Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình/dự án” vào phần “Nơi nhận” của dự thảo.

3. Nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp gửi Sở Xây dựng tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở (đ/c Sơn);
- Lưu: VT; XD&KTrVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn

Số: /BC-SXD

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên;

Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại thành phố Thái Nguyên;

Công văn số 4190/UBND-CNN&XD ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên;

Công văn số 1524-CV/VPTU ngày 29/7/2024 của Văn phòng Tỉnh uỷ về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án kèm theo các Quyết định phê duyệt Đề án chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ: số 2046-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2047-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2048-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2050-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2051-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2058-QĐ/TU ngày 20/5/2024);

Công văn số 3442/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên;

Các văn bản liên quan khác.

II. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên.
2. Dự án nhóm: Nhóm B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Người quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Chủ đầu tư: Theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 188.111 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ một trăm mười một triệu đồng*).

8. Nguồn vốn thực hiện dự án: Nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2027.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

Các nội dung chủ yếu của dự án theo Điều 31 Luật Đầu tư công năm 2019 cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư

1.1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (gọi tắt là Tỉnh ủy Thái Nguyên) là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đảng bộ và nhân dân trong tỉnh về tình hình mọi mặt của địa phương và những quyết định của Tỉnh ủy.

Theo ý kiến của Công an tỉnh (*Văn bản số 3610/CAT-ANKT ngày 08/8/2024*): Trụ sở Tỉnh ủy là mục tiêu quan trọng về chính trị, là nơi lưu trữ nhiều bí mật Nhà nước được lực lượng vũ trang canh gác, bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định, do đó công tác đảm bảo an ninh trật tự liên quan đến việc đầu tư xây dựng dự án yêu cầu phải được quan tâm đúng mức.

Theo Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy Thái Nguyên gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Cơ quan ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Nội chính.

Thực trạng trụ sở làm việc hiện nay của Tỉnh ủy Thái Nguyên:

Nhà A – Trụ sở Tỉnh ủy được xây dựng từ những năm 1970 của thế kỷ trước, hệ thống trang thiết bị cũ, hỏng nhiều, công trình đã xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an toàn và mỹ quan chung của khu vực trụ sở Tỉnh ủy. Trong quá trình sử dụng, nhà A đã cải tạo, sửa chữa nhiều lần nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất phục vụ công tác của Thường trực Tỉnh ủy.

Nhà B – Trụ sở Tỉnh ủy là công trình được xây dựng từ những năm 1960 của Thế kỷ trước, đến nay đã có thời gian sử dụng được trên 60 năm. Nhà hình chữ U, gồm 3 khối, khối giữa 3 tầng, hai khối hai bên 2 tầng được coi nói xây dựng thêm. Công trình thường xuyên phải thực hiện cải tạo để đảm bảo đáp ứng an toàn và nhu cầu làm việc của các cơ quan giúp việc cho Tỉnh ủy (*hiện nay công trình này đang sắp xếp vị trí làm việc cho: Văn phòng Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh*

Thái Nguyên); khe co giãn giữa các khối nhà thường xuyên bị nứt, gây gây thấm dột, bong tróc tường, trần nhà, ảnh hưởng đến an toàn và mỹ quan của nhà B và mỹ quan chung của khu vực Tỉnh uỷ.

Theo văn bản số 2376/SXD-QLXD ngày 09/8/2024 của Sở Xây dựng Thái Nguyên về kết quả đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng nhà B trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên, cụ thể: Khả năng chịu lực của một bộ phận kết cấu Nhà B - Trụ sở Tỉnh uỷ không đáp ứng được điều kiện sử dụng, xuất hiện tình trạng nguy hiểm cục bộ (*Cấp nguy hiểm của công trình tương đương là: C theo Bảng 7 Quyết định số 681/QĐ-BXD ngày 12/7/2016 của Bộ Xây dựng*); tại văn bản này Sở Xây dựng thống nhất nội dung đề nghị tại Báo cáo đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng Nhà B trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên đối với đơn vị quản lý sử dụng công trình cụ thể là: Căn cứ nhu cầu sử dụng và quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng tài sản để phá bỏ một phần công trình, toàn bộ công trình nhằm thay thế, khắc phục phần công trình bị hư hỏng và xem xét xây dựng lại công trình mới để đảm bảo an toàn; Xem xét, kịp thời có giải pháp đảm bảo an toàn cho người, tài liệu, thiết bị và công trình (*sớm xem xét việc hạn chế người làm việc trong công trình, di dời tài sản ra khỏi công trình đến khi có giải pháp phù hợp*).

Thực hiện Công văn số 4190/UBND-CNN&XD ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên, để đảm bảo hoạt động của Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ, Văn phòng Tỉnh uỷ và các Ban Đảng, việc đầu tư xây dựng mới công trình đồng bộ, trang thiết bị kỹ thuật đầy đủ, hiện đại đáp ứng được mức độ quan trọng cấp I của công trình trụ sở làm việc của tổ chức chính trị - cơ quan lãnh đạo cao nhất của tỉnh là yêu cầu cấp thiết.

1.2. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư

- Theo Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 20/12/2016 vị trí khu đất được quy hoạch là đất hỗn hợp (dịch vụ-thương mại, văn phòng - ở).

- Theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 vị trí khu đất được quy hoạch là đất cơ quan, trụ sở.

- Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 29/12/2009, vị trí khu đất được quy hoạch là đất cơ quan.

*** Đánh giá:**

- Về chức năng sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất (*bao gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa, tối thiểu của công trình*): Vị trí khu đất phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Về công trình ngầm:

+ Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 20/12/2016 chưa xác định khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm tại khu vực đề xuất dự án. Hiện nay đồ án Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đang được lập điều chỉnh tổng thể (*nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ-TTg ngày 12/8/2024*), trong quá trình lập đồ án quy hoạch sẽ được bố trí khu vực xây dựng công trình ngầm theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

+ Quy hoạch phân khu phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 đã thể hiện khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm, vì vậy phần ngầm của các công trình xây dựng trong đề xuất dự án đã phù hợp với quy hoạch phân khu được duyệt.

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 chưa xác định khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm. Vì vậy cần xem xét điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với các quy hoạch cao hơn đã được phê duyệt, Sở Xây dựng kiến nghị UBND thành phố Thái Nguyên khẩn trương rà soát theo quy định từ Điều 46 đến Điều 52 của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 được sửa đổi tại Điều 29 Luật số 35/2018/QH14 năm 2018 để xem xét điều chỉnh phù hợp với các quy hoạch cao hơn được duyệt.

- Vị trí khu đất thực hiện Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 và Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu đầu tư

Việc đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên nhằm các mục tiêu chính như sau:

- Xây dựng trụ sở mới nhằm đáp ứng điều kiện làm việc, công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh uỷ.

- Góp phần chỉnh trang kiến trúc cảnh quan các công trình trong cơ quan Tỉnh uỷ, đóng góp vào sự phát triển chung không gian đô thị.

2.2. Quy mô địa điểm

- Diện tích sử dụng đất khoảng 9.136m² trên tổng 37.598,3m² khuôn viên khu đất của Tỉnh uỷ.

- Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên khu đất của Tỉnh uỷ Thái Nguyên thuộc phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Có ranh giới đất nghiên cứu lập đề xuất dự án giáp với các tuyến đường giao thông nội bộ của Tỉnh uỷ.

2.3. Phạm vi đầu tư

2.3.1. Hiện trạng

Nhà A – Trụ sở Tỉnh uỷ được xây dựng từ những năm 1970 của thế kỷ trước, hệ thống trang thiết bị cũ, hỏng nhiều, công trình đã xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an toàn và mỹ quan chung của khu vực trụ sở Tỉnh uỷ. Trong quá trình sử dụng, nhà A đã cải tạo, sửa chữa nhiều lần nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất phục vụ công tác của Thường trực Tỉnh uỷ.

Nhà B – Trụ sở Tỉnh uỷ là công trình được xây dựng từ những năm 1960 của Thế kỷ trước, đến nay đã có thời gian sử dụng được trên 60 năm. Nhà hình chữ U, gồm 3 khối, khối giữa 3 tầng, hai khối hai bên 2 tầng được coi nói xây dựng thêm. Công trình thường xuyên phải thực hiện cải tạo để đảm bảo đáp ứng an toàn và nhu cầu làm việc của các cơ quan giúp việc cho Tỉnh uỷ (hiện nay công trình này đang sắp xếp vị trí làm việc cho: Văn phòng Tỉnh uỷ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên); khe co giãn giữa các khối nhà thường xuyên bị nứt, gây gây thấm dột, bong tróc tường, trần nhà, ảnh hưởng đến an toàn và mỹ quan của nhà B và mỹ quan chung của khu vực Tỉnh uỷ. Theo văn bản số 2376/SXD-QLXD ngày 09/8/2024 của Sở Xây dựng Thái Nguyên về kết quả đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng nhà B trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên, cụ thể: Khả năng chịu lực của một bộ phận kết cấu Nhà B - Trụ sở Tỉnh uỷ không đáp ứng được điều kiện sử dụng, xuất hiện tình trạng nguy hiểm cục bộ (Cấp nguy hiểm của công trình tương đương là: C theo Bảng 7 Quyết định số 681/QĐ-BXD ngày 12/7/2016 của Bộ Xây dựng); tại văn bản này Sở Xây dựng thống nhất nội dung đề nghị tại Báo cáo đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng Nhà B trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên đối với đơn vị quản lý sử dụng công trình cụ thể là: Căn cứ nhu cầu sử dụng và quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng tài sản để phá bỏ một phần công trình, toàn bộ công trình nhằm thay thế, khắc phục phần công trình bị hư hỏng và xem xét xây dựng lại công trình mới để đảm bảo an toàn; Xem xét, kịp thời có giải pháp đảm bảo an toàn cho người, tài liệu, thiết bị và công trình (sớm xem xét việc hạn chế người làm việc trong công trình, di dời tài sản ra khỏi công trình đến khi có giải pháp phù hợp).

Theo ý kiến của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (*Văn bản số 2963/BCH-TM ngày 02/8/2024*) thì tại vị trí phía Bắc nhà B hiện trạng đang có công trình quốc phòng, được quản lý theo Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Đây là công trình thiết yếu bảo vệ lãnh đạo Tỉnh uỷ khi có tình huống xảy ra, Bộ CHQS tỉnh đề nghị khi triển khai bước tiếp theo phối hợp cùng Bộ CHQS tỉnh giữ nguyên hiện trạng công trình phục vụ cho mục đích lâu dài và đúng theo quy định của pháp luật.

Theo khảo sát của ngành Công Thương (*Văn bản số 2439/SCT-CNNL ngày 30/7/2024*): Hiện trạng lưới điện của Trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên và tình hình cung cấp điện cho Trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên như sau: Trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên hiện đang nhận điện chính từ 02 lộ đường dây trung áp 22kV gồm lộ đường dây 474 E6.4 cấp điện cho TBA Tỉnh uỷ 1 - 1500kVA, đường dây 472E6.2 trạm 220kV Thái Nguyên cấp điện cho TBA Tỉnh uỷ 2 (VP đảng) - 1500kVA. Trụ sở được cấp điện

chính từ 02 lộ đường dây thuộc 02 trạm 110kV khác nhau, có liên kết phía trung áp với nhau qua hệ thống tủ RMU. Ngoài ra trong trường hợp sự cố trạm biến áp 110kV hoặc sự cố đường dây 472E6.2 hoặc 474E6.4 thì sẽ chuyển đổi cấp điện sang trạm 110kV Gang Thép hoặc Lưu Xá; Đối với nguồn hạ thế: Nguồn chính từ trạm biến áp Tỉnh ủy 1, nguồn dự phòng từ trạm biến áp Tỉnh ủy 2 qua hệ thống ATS 01 tự động đảo chiều đặt tại trạm biến áp Tỉnh ủy 1; Ngoài ra còn 01 máy phát dự phòng với công suất 400kVA trong trường hợp mất điện TBA Tỉnh ủy 1 và Tỉnh ủy 2, máy phát chỉ cấp được cho các phụ tải ưu tiên của văn phòng Đảng, nhà A, nhà khách; Trên hiện trạng lưới điện cấp điện cho Trụ sở Tỉnh ủy, hiện hai TBA Tỉnh ủy 1, Tỉnh ủy 2 đảm bảo cấp nguồn ổn định cho Trụ sở Tỉnh ủy. Để nâng cao ổn định cung cấp điện, đề xuất đầu tư hệ thống tự động chuyển nguồn ATS phía trung áp cho hai nguồn cấp điện cho 02 TBA hiện trạng. Nếu có nhu cầu phụ tải tăng thêm đề nghị xem xét việc nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới công trình đường dây và trạm biến áp phục vụ riêng cho hoạt động của Tỉnh ủy.

2.3.2. Tính toán nhu cầu điện tích

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và điều kiện thực tế làm việc của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Quy định về tổ chức bộ máy chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy như sau: 02 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá XX, nhiệm kỳ 2020-2025 và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy như sau:

a) Văn phòng Tỉnh ủy:

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy trong tổ chức, điều hành công việc, lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, thẩm định, đề xuất chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại; nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ; là trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy; là đầu mối giúp Thường trực Tỉnh ủy xử lý công việc hằng ngày.

- Là đại diện chủ sở hữu đối với tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng theo phân cấp ngân sách; là cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản tại các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng (nếu có); làm đầu mối quản lý tài chính, tài sản của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện và tổ chức phục vụ các hoạt động của Tỉnh ủy.

- Tổ chức bộ máy gồm có: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, 02 Phó Chánh Văn phòng quản lý 05 phòng trực thuộc, gồm: Phòng Tổng hợp; Phòng Quản trị; Phòng Tài chính đảng; Phòng Hành chính - Lưu trữ; Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin. Tổng số 13 cán bộ, công chức.

b) Ban Tổ chức:

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ. Đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị trong tỉnh.

- Tổ chức bộ máy gồm có: 01 Trưởng Ban, 03 Phó Trưởng Ban quản lý 04 phòng trực thuộc, gồm: Phòng Tổ chức đảng, đảng viên; Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ; Phòng Tổ chức cán bộ; Văn phòng. Tổng số 29 cán bộ, công chức.

c) Ban Tuyên giáo:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, tuyên truyền, lý luận chính trị, thông tin, báo chí, xuất bản, dư luận xã hội, văn hóa, văn nghệ, lịch sử đảng, các lĩnh vực về công tác khoa giáo. Là cơ quan thường trực của các ban chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; công tác thông tin đối ngoại. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của Tỉnh ủy.

- Tổ chức bộ máy gồm có: 01 Trưởng Ban, 03 Phó Trưởng Ban quản lý 04 phòng trực thuộc, gồm: Phòng Tuyên truyền - Báo chí - Xuất bản; Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng; Phòng Khoa giáo - Văn hóa Văn nghệ; Văn phòng Ban. Tổng số 26 cán bộ, công chức.

d) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra:

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và UBKT Tỉnh ủy thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng trong đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy giao. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy.

- Tổ chức bộ máy gồm có: 01 Chủ nhiệm UBKT, 03 Phó Chủ nhiệm UBKT. quản lý 04 phòng trực thuộc, gồm: Phòng Nghiệp vụ I, II, III và Văn phòng. Tổng số 25 cán bộ, công chức.

e) Ban Dân vận:

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy và thường trực tỉnh ủy về công tác dân vận. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo); là cơ quan thường trực của các ban chỉ đạo về lĩnh vực công tác dân vận của tỉnh.

- Tổ chức bộ máy gồm có: 01 Trưởng Ban, 03 Phó Trưởng Ban quản lý 03 phòng trực thuộc, gồm: Văn phòng; Phòng Đoàn thể và các hội; Phòng Dân vận các cơ quan nhà nước, dân tộc và tôn giáo. Tổng số 21 cán bộ, công chức.

g) Ban Nội chính:

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy, thường trực tỉnh ủy về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác nội chính đảng; cơ quan thường trực ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và ban chỉ đạo cải cách tư pháp của cấp tỉnh.

- Tổ chức bộ máy gồm có: 01 Trưởng Ban, 02 Phó Trưởng Ban, quản lý 03 phòng trực thuộc, gồm: Phòng Theo dõi công tác nội chính và cải cách tư pháp; Phòng Theo dõi công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Văn phòng. Tổng số 20 cán bộ, công chức.

Căn cứ Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 và các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thiết kế, tính toán sơ bộ diện tích xây dựng như bảng sau:

Bảng 1. Phương án tính toán diện tích xây dựng công trình

| Stt | Đơn vị | Số lượng cán bộ, phòng ban | Tiêu chuẩn, định mức | Diện tích (m ²) | BV Thiết kế sơ bộ (m ²) | Ghi chú |
|-----------|---|----------------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------------------|--|
| A | Diện tích làm việc của các chức danh | 136 | Slv | 1.680,00 | 1.666,33 | Điều 5 Nghị định 152/2017/NĐ-CP |
| I | Thường trực Tỉnh ủy | 2 | | 90,00 | | |
| | Bí thư Tỉnh ủy | 1 | 50 | 50,00 | | |
| | Phó bí thư Tỉnh ủy | 1 | 40 | 40,00 | | |
| II | Văn phòng Tỉnh ủy | 13 | | 159,00 | | |
| | Chánh văn phòng | 1 | 25 | 25,00 | | |
| | Phó Chánh văn phòng | 2 | 15 | 30,00 | | |
| | Lãnh đạo cấp phòng | 2 | 12 | 24,00 | | |

| Stt | Đơn vị | Số lượng cán bộ, phòng ban | Tiêu chuẩn, định mức | Diện tích (m2) | BV Thiết kế sơ bộ (m2) | Ghi chú |
|------------|--------------------------------|----------------------------|----------------------|------------------|------------------------|---------|
| | Chuyên viên | 8 | 10 | 80,00 | | |
| III | Ban Tổ chức | 29 | | 338,00 | | |
| | Trưởng ban | 1 | 25 | 25,00 | | |
| | Phó Trưởng ban | 3 | 15 | 45,00 | | |
| | Lãnh đạo cấp phòng | 9 | 12 | 108,00 | | |
| | Chuyên viên | 16 | 10 | 160,00 | | |
| IV | Ban Tuyên giáo | 26 | | 306,00 | | |
| | Trưởng ban | 1 | 25 | 25,00 | | |
| | Phó Trưởng ban | 3 | 15 | 45,00 | | |
| | Lãnh đạo cấp phòng | 8 | 12 | 96,00 | | |
| | Chuyên viên | 14 | 10 | 140,00 | | |
| V | Cơ quan Ủy ban kiểm tra | 25 | | 302,00 | | |
| | Trưởng ban | 1 | 25 | 25,00 | | |
| | Phó trưởng ban | 3 | 15 | 45,00 | | |
| | Lãnh đạo cấp phòng | 11 | 12 | 132,00 | | |
| | Chuyên viên | 10 | 10 | 100,00 | | |
| VI | Ban Dân vận | 21 | | 250,00 | | |

| Stt | Đơn vị | Số lượng cán bộ, phòng ban | Tiêu chuẩn, định mức | Diện tích (m2) | BV Thiết kế sơ bộ (m2) | Ghi chú |
|------------|--------------------------------|----------------------------|----------------------|------------------|------------------------|---|
| | Trưởng ban | 1 | 25 | 25,00 | | |
| | Phó trưởng ban | 3 | 15 | 45,00 | | |
| | Lãnh đạo cấp phòng | 5 | 12 | 60,00 | | |
| | Chuyên viên | 12 | 10 | 120,00 | | |
| VII | Ban Nội chính | 20 | | 235,00 | | |
| | Trưởng ban | 1 | 25 | 25,00 | | |
| | Phó trưởng ban | 2 | 15 | 30,00 | | |
| | Lãnh đạo cấp phòng | 5 | 12 | 60,00 | | |
| | Chuyên viên | 12 | 10 | 120,00 | | |
| B | Diện tích sử dụng chung | Ssdc | 59%Slv | 996,00 | 996,29 | Điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP <i>(UBND tỉnh xem xét quyết định - thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12)</i> |
| C | Diện tích chuyên dùng | Scd | | 5.686,00 | 5.584,41 | Điều 7 Nghị định 152/2017/NĐ-CP |
| 1 | Hội trường 200 chỗ | 1 | 200 | | | |

| Stt | Đơn vị | Số lượng cán bộ, phòng ban | Tiêu chuẩn, định mức | Diện tích (m ²) | BV Thiết kế sơ bộ (m ²) | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|--|--|
| - | Diện tích ngồi họp (có bàn) 1.8m ² / người | | 1,8 | 360,00 | | Theo TCVN 4601 2012 |
| - | Bố trí 02 phòng đệm | 2 | 24 | 48,00 | | Theo TCVN 4601 2012 |
| - | Diện tích sân khấu vận dụng theo TCVN 9369 | | | 48,00 | | Theo TCVN 9369/2012 |
| - | Phòng phục vụ | 1 | 12 | 12,00 | | Theo TCVN 4601 2012 |
| 2 | Phòng họp 100 chỗ | 1 | 100 | | | |
| - | Diện tích ngồi họp (có bàn) 1.8m ² / người | | 1,8 | 180,00 | | Theo TCVN 4601 2012 |
| - | Phòng phục vụ | 1 | 12 | 12,00 | | Theo TCVN 4601 2012 |
| 3 | Kho lưu trữ tài liệu đặc thù | 6 | 400 | 2.400,00 | | Phụ lục tại Quyết định 18/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên |
| 4 | Diện tích không gian trung bày | 1 | 1000 | 1.000,00 | | như trên |
| 5 | Không gian giao tiếp hội họp, giải lao | 1 | 1400 | 1.400,00 | | như trên |
| 6 | Diện tích phục vụ hội nghị | 2 | 40 | 80,00 | | như trên |
| 7 | Diện tích sử dụng để quản lý tòa nhà | 1 | 100 | 100,00 | | như trên |

| Stt | Đơn vị | Số lượng cán bộ, phòng ban | Tiêu chuẩn, định mức | Diện tích (m ²) | BV Thiết kế sơ bộ (m ²) | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------------------|--|
| 8 | Diện tích phòng làm việc của người làm cơ yếu 8m ² người. | 1 | | 8,00 | | Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013 |
| 9 | Phòng mã dịch điện mật (<i>Phòng Cơ yếu – CNTT của Văn phòng Tỉnh uỷ đề xuất ngày 06/8/2024</i>) | 1 | | 18,00 | | Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013 của Chính phủ |
| 10 | Phòng điện đài (<i>Phòng Cơ yếu – CNTT của Văn phòng Tỉnh uỷ đề xuất ngày 06/8/2024</i>) | 1 | | 20,00 | | Vận dụng Quyết định số 1953/QĐ-BTTTT ngày 13/11/2020 của Bộ Thông tin truyền thông |
| D | Tổng diện tích làm việc, sử dụng chung và chuyên dùng | Shd | Slv+Ssdc+Scd | 8.362,00 | | |
| E | Diện tích cầu thang | Sth | 15% Shd | 1.245,94 | | 15% Diện tích hữu dụng |
| F | Diện tích kết cấu | Skc | Skc = (Shd+Sth)*10% | 951,19 | | 10% Diện tích hữu dụng |
| G | Tổng diện tích sàn xây dựng 07 tầng cao | S 7 tầng cao | Shd+Sth+Skc | 10.559,12 | 10.469,95 | |
| H | Tính toán diện tích tầng hầm | S tầng hầm | Sxe + Sth + Skc | 1.525,40 | 1.605,00 | |
| 1 | Tính toán diện tích để xe | Sxe | | 1.208,00 | | |

| Stt | Đơn vị | Số lượng cán bộ, phòng ban | Tiêu chuẩn, định mức | Diện tích (m ²) | BV Thiết kế sơ bộ (m ²) | Ghi chú |
|----------|--|----------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | Diện tích đỗ xe ô tô (10 xe công vụ +25 xe cán bộ) | 35 | 25 | 875,00 | | Theo TC4601 2012 |
| | Diện tích đỗ xe máy | (136-25 (ô tô)) | 3 | 333,00 | | Theo TC4601 2012 |
| 2 | Diện tích cầu thang | Sth | 15% Sxe | 179,99 | | 15% Diện tích hữu dụng |
| 3 | Diện tích kết cấu | Skc | (Sxe+Sth)*10% | 137,41 | | 10% Diện tích hữu dụng |
| K | Tổng diện tích sàn xây dựng toà nhà | S | S 7 tầng cao + S tầng hầm | 12.084,53 | 12.074,95 | |

Với diện tích sơ bộ tính toán như trên, cơ quan đề xuất xây dựng mới Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên đáp ứng đủ nhu cầu diện tích sử dụng làm việc, diện tích phục vụ hoạt động chung, diện tích phục vụ hoạt động đặc thù của đơn vị sử dụng.

Phương án để xe trong tầng hầm bố trí cho 10 xe công vụ và 25 xe cán bộ, số lượng xe ô tô còn lại theo khảo sát từ đơn vị sử dụng, đơn vị đề xuất phương án bố trí bãi đỗ xe ngoài trời theo tiêu chuẩn như sau:

Theo hướng dẫn của Tiêu chuẩn TCVN 4601-2012, mục 7.9.14, tính toán diện tích để xe như sau:

Chỗ đỗ xe ô tô: $100 \text{ (xe)} \times 25 \text{ m}^2 = 2.500 \text{ m}^2$;

Chỗ đỗ xe của khách: $15\% \times (2.500 + 875 + 333) \text{ m}^2 = 556,2 \text{ m}^2$;

Tổng cộng: $2.500 + 556,2 = 3.056,2 \text{ m}^2$.

(Theo khảo sát hiện trạng trong khuôn viên Tỉnh uỷ đủ chỗ đỗ xe ngoài trời)

2.3.3. Quy mô đầu tư

Dự án xây dựng mới trên diện tích đất khoảng 9.136m². Trong khuôn viên của Tỉnh uỷ. Gồm các nội dung sau:

- Nhà trụ sở làm việc với diện tích xây dựng khoảng 2.170m², 07 tầng cao và 01 tầng hầm. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 12.075 m².

- Nâng cấp đường dây và Trạm biến áp.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Hệ thống trang thiết bị phù hợp với mức độ quan trọng và cấp công trình.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác trong và ngoài nhà đồng bộ đảm bảo mặt bằng quỹ đất xây dựng và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.v.v.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án

3.1. Cơ sở lập tổng mức đầu tư

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
- Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022.
- Bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thái Nguyên được công bố tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Đơn giá nhân công xây dựng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được công bố tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.
- Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được công bố tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.
- Hồ sơ thiết kế sơ bộ công trình. Tham khảo một số nội dung của công trình tương tự.

3.2. Dự kiến tổng mức đầu tư

Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: **188.111 triệu đồng** (Bằng chữ: *Một trăm tám mươi tám tỷ một trăm mười một triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 120.981 triệu đồng;
- Chi phí thiết bị: 28.982 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.664 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn: 8.989 triệu đồng;
- Chi phí khác: 3.358 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 23.137 triệu đồng.

(Có phụ lục sơ bộ tổng mức đầu tư kèm theo)

3.3. Nguồn vốn: Ngân sách địa phương: 188.111 triệu đồng. Trong đó dự kiến:

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 32.806 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (cấp tỉnh quản lý) giai đoạn 2026-2030: 155.305 triệu đồng.

3.4. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công:

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 32.806 triệu đồng là đảm bảo khả năng cân đối vốn, bố trí vốn trong giai đoạn 2021-2025 (phù hợp với nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho các dự án chuẩn bị đầu tư chưa phân bổ, trong đó: *nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 20.697 triệu đồng; nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất 12.127 triệu đồng*).

- Nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030: 155.305 triệu đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công¹: Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên là 22.433.608 triệu đồng, tổng mức đầu tư (TMĐT) của các dự án phân kỳ đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 không quá 20% tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 4.487.721 triệu đồng. Hiện nay tỉnh Thái Nguyên có 05 dự án⁽²⁾ cần bố trí vốn sang giai đoạn 2026-2030 với số vốn là 1.220.824 triệu đồng. Số vốn còn lại được phép bố trí sang giai đoạn 2026-2030 là 3.266.897 triệu đồng, do vậy số vốn 155.305 triệu đồng trong giai đoạn 2026-2030 của dự án Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên là đảm bảo phù hợp với quy định của Luật đầu tư công.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

4.1. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư

¹ “Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó”.

² Bao gồm: (1) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên có TMĐT 921.178 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **641.201 triệu đồng**; (2) Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên có TMĐT 489.188 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **189.188 triệu đồng** theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024; (3) Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266) có TMĐT 739.991 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **302.028 triệu đồng** theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; (4) Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục có TMĐT 137.908 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **47.908 triệu đồng** theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; (5) Dự án Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và Trụ sở làm việc Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên có TMĐT 72.516 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **40.499 triệu đồng** theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024.

- Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện từ công tác chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến kết thúc đầu tư:

+ Quý III năm 2024 đến Quý IV năm 2025: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình;

+ Quý IV năm 2025 đến Quý III năm 2027: Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, tổ chức thi công xây dựng công trình, thanh toán vốn đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Đơn vị lập dự án: Thực hiện lựa chọn theo quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư dự án: Theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

- Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thẩm định dự án + hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: Theo quy định hiện hành.

- Phê duyệt dự án + hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: Theo quy định hiện hành.

4.2. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn

Phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả.

Thực hiện theo sự phân bổ nguồn vốn đầu tư công của tỉnh đối với các dự án từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

Việc xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án áp dụng theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Bộ Xây dựng nêu trên.

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: Việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng được giao chủ trì, chủ động phối hợp với Văn phòng Tỉnh uỷ và các đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng để quyết định đầu tư xây dựng và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án.

- Giai đoạn thực hiện dự án: Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; khảo sát xây dựng, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; vận hành, chạy thử; nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; bàn giao công trình đưa vào sử dụng và các công việc cần thiết khác.

- Giai đoạn kết thúc đầu tư: Quyết toán hợp đồng xây dựng, quyết toán dự án hoàn thành, xác nhận hoàn thành công trình, bảo hành công trình xây dựng, bàn giao

các hồ sơ liên quan và các công việc cần thiết khác cho Tỉnh uỷ Thái Nguyên quản lý, sử dụng.

Việc bảo trì, bảo dưỡng công trình sau đầu tư do Văn phòng Tỉnh uỷ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

- Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường:

+ Công trình trong quá trình thi công xây dựng không ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường không khí, tiếng ồn, mạch nước ngầm và đời sống cư dân lân cận dự án.

+ Khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác vận hành: Chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại và được vận chuyển đi đến khu xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Việc thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường: Theo pháp luật về Bảo vệ môi trường hiện hành: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo khoản 1 Điều 29; không thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường theo khoản 1 Điều 30; không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Việc đầu tư xây dựng công trình góp phần tạo công ăn, việc làm cho cá nhân và tổ chức tham gia hoạt động xây dựng, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội chung.

+ Khi công trình đi vào hoạt động sẽ đáp ứng nhu cầu làm việc trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên và của các cơ quan được bố trí, sắp xếp liên quan.

+ Góp phần hình thành không gian kiến trúc, tạo một điểm nhấn đẹp về kiến trúc công cộng cho khu vực.

6.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Dự án hoàn thành tạo sự đồng bộ về hệ thống cơ sở vật chất, đảm bảo đáp ứng nhu cầu, điều kiện làm việc của Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, tạo môi trường kang trang, cơ sở vật chất hiện đại đảm bảo nâng cao chất lượng công việc.

7. Phân chia các dự án thành phần: Không.

8. Giải pháp tổ chức thực hiện

8.1. Phương án giải phóng mặt bằng

Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh uỷ Thái Nguyên nằm trong khuôn viên Tỉnh uỷ Thái Nguyên quản lý, sử dụng (được xác định tại thửa đất số 99, tờ bản đồ địa chính số 23, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên; Tỉnh

ủy Thái Nguyên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/5/2023, có số phát hành DL 279888). Không phải thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, không phải thực hiện phương án bố trí tái định cư.

Công tác khảo sát xây dựng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng (liên quan đến công trình quốc phòng được quản lý theo Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), chủ đầu tư phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các cơ quan liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo quy định.

8.2. Phương án khai thác dự án

Sau khi các hạng mục công trình được đầu tư và bàn giao đưa vào sử dụng, Tỉnh ủy Thái Nguyên khai thác sử dụng hiệu quả, thực hiện việc bảo trì công trình theo đúng quy định.

Các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, thẩm định, tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; trong đó chú trọng tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối trong quá trình tham mưu, báo cáo đề xuất, triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng, kiểm soát, giám sát chặt chẽ người và phương tiện ra vào trụ sở, dự án; lựa chọn, thẩm định kỹ lưỡng năng lực kinh nghiệm, năng lực tài chính, năng lực chuyên môn,... của đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát, đơn vị nhà thầu thi công xây dựng và vật tư, nguyên vật liệu xây dựng đảm bảo quy định, tuân thủ Quy chuẩn, tiêu chuẩn, có phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong quá trình triển khai thực hiện, khai thác sử dụng dự án.

8.3. Quản lý quy hoạch kiến trúc xây dựng

Chủ đầu tư có trách nhiệm đảm bảo quản lý việc thực hiện dự án theo đúng phương án kiến trúc, quy hoạch, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong suốt thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên có công trình mức độ quan trọng cấp I theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng do vậy công trình thuộc đối tượng phải thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định pháp luật kiến trúc.

Về thi tuyển phương án kiến trúc phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu quy định tại Điều 17 Luật Kiến trúc, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

Với mục tiêu đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy với tầm quan trọng, yêu cầu cao về kiến trúc, cảnh quan và xác định đây là công trình độc đáo, có giá trị kiến trúc, mang ý nghĩa biểu tượng có điểm nhấn có kiến trúc độc đáo, do đó thời hạn sử dụng của công trình khi triển khai thiết kế công trình phải đáp ứng tuổi thọ công trình không nhỏ hơn 100 năm (Theo ý kiến đề xuất của Văn phòng Tỉnh ủy tại Công văn số 1549-CV/VPTU ngày 08/8/2024).

8.4. Quản lý vận hành công trình

Sau khi hoàn thành công tác xây dựng, công trình đi vào hoạt động. Chủ đầu tư, đơn vị sử dụng có trách nhiệm thực hiện quy trình bảo trì, vận hành sử dụng công trình đúng mục đích đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

Sở Xây dựng trình UBND tỉnh Thái Nguyên, HĐND tỉnh Thái Nguyên xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 2393/BC-SXD ngày 10/8/2024 của Sở Xây dựng)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở KHĐT;
- GD, các PGD SXD;
- Lưu: VT, VP, QLXD, (Hoa 07).

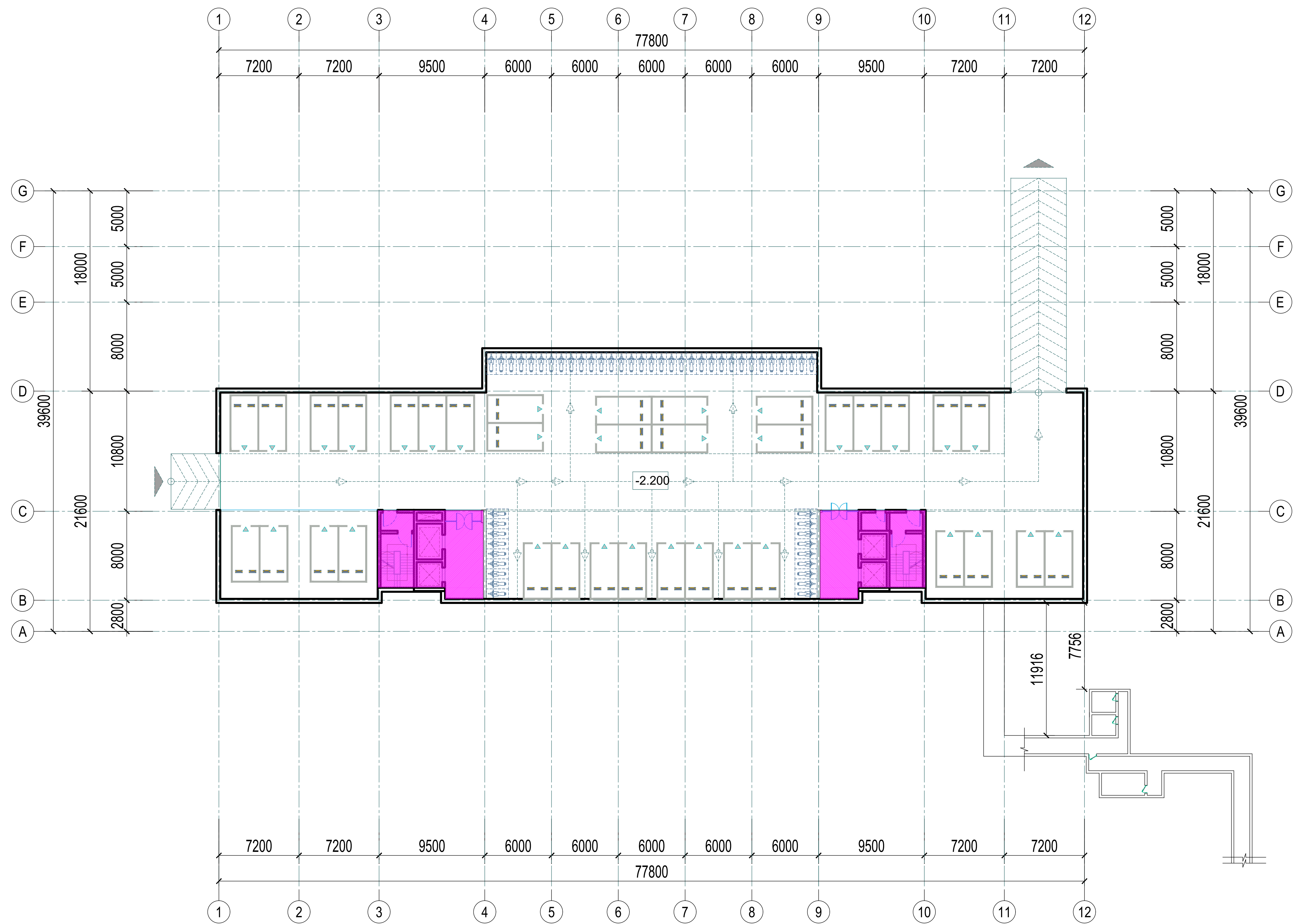
GIÁM ĐỐC

Hoàng Đức Khánh

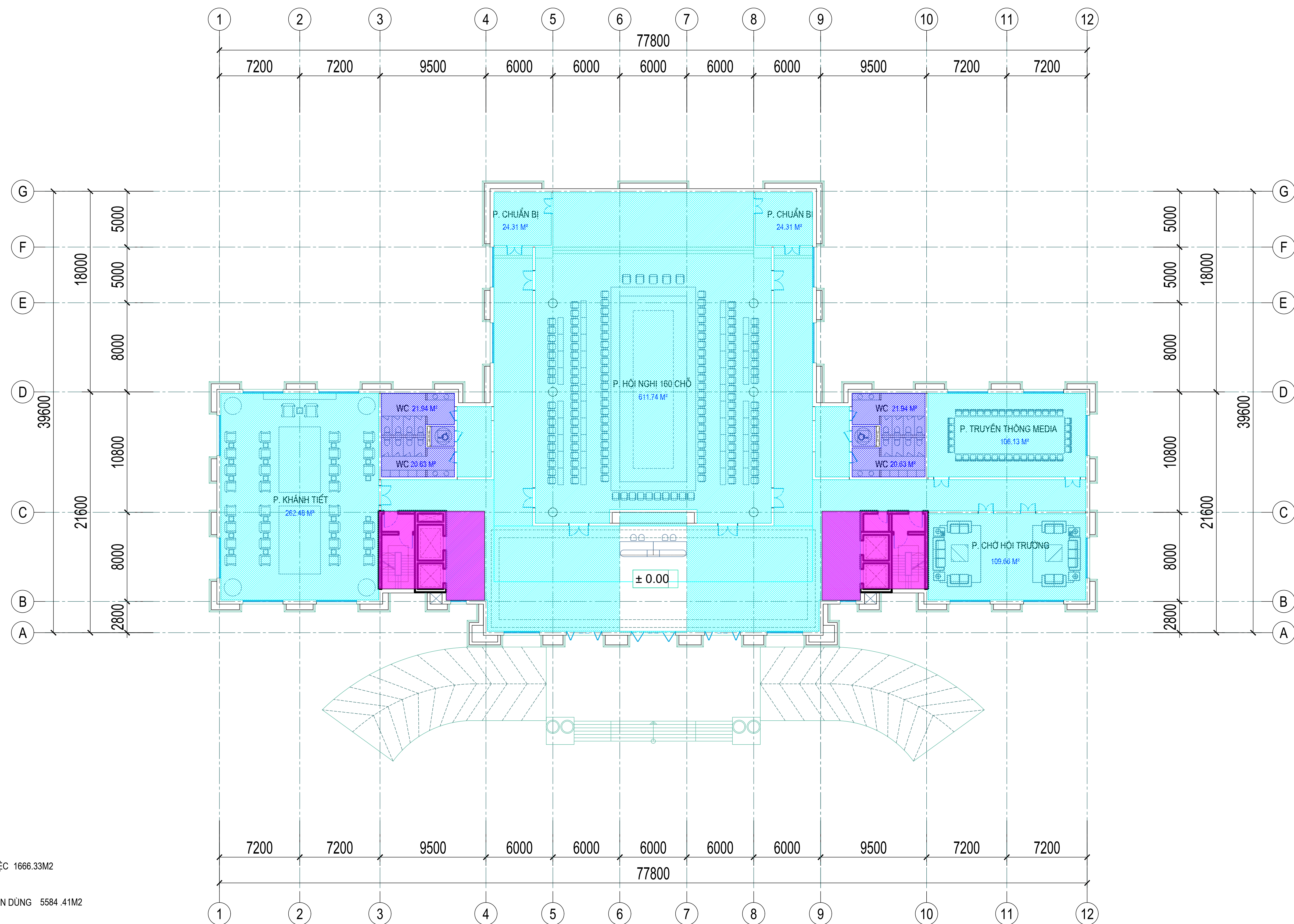
**HỒ SƠ THIẾT KẾ SƠ BỘ,
SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

TỔNG MẶT BẰNG

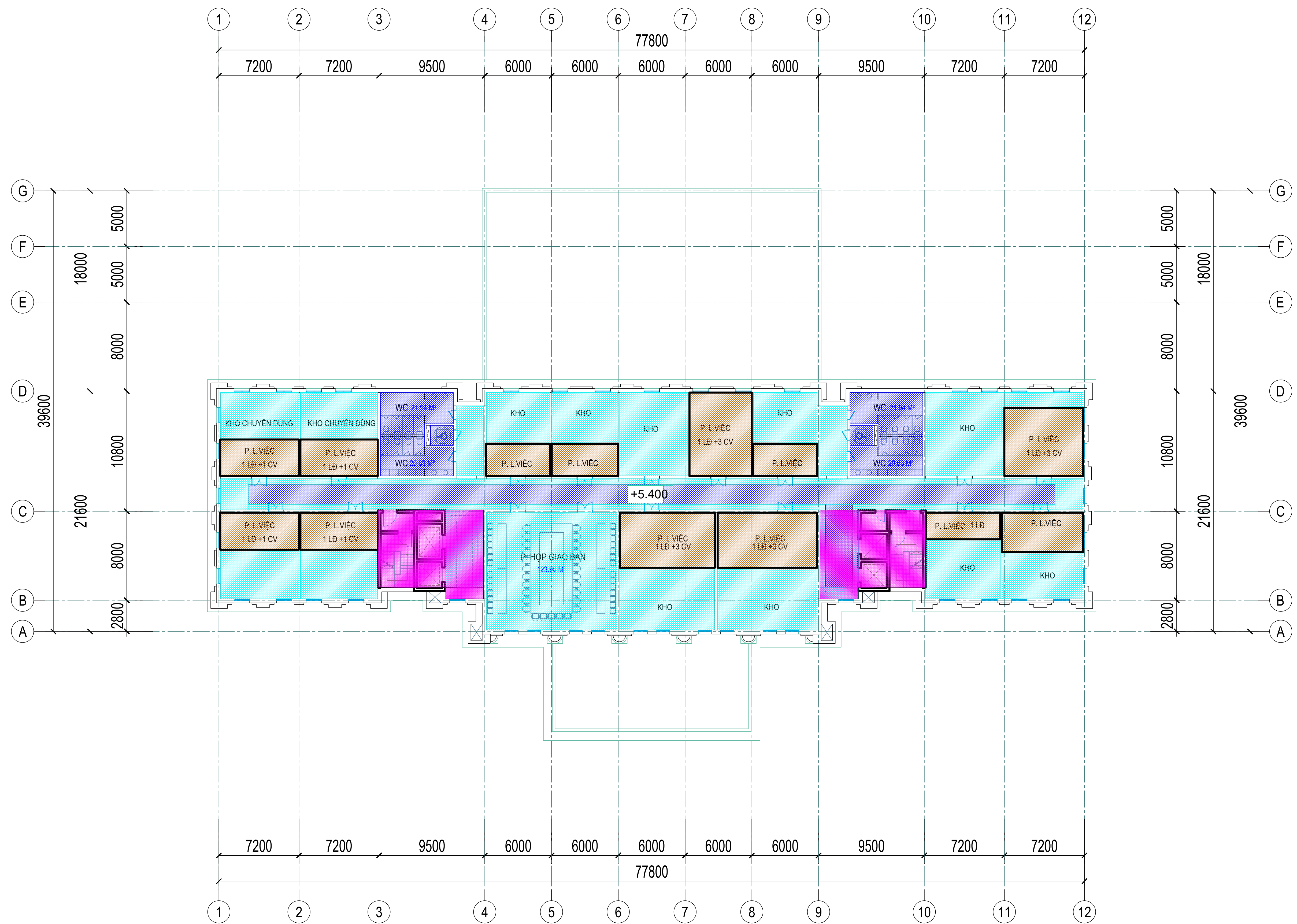
1/500



MẶT BẰNG TẦNG HẦM 1605 M2



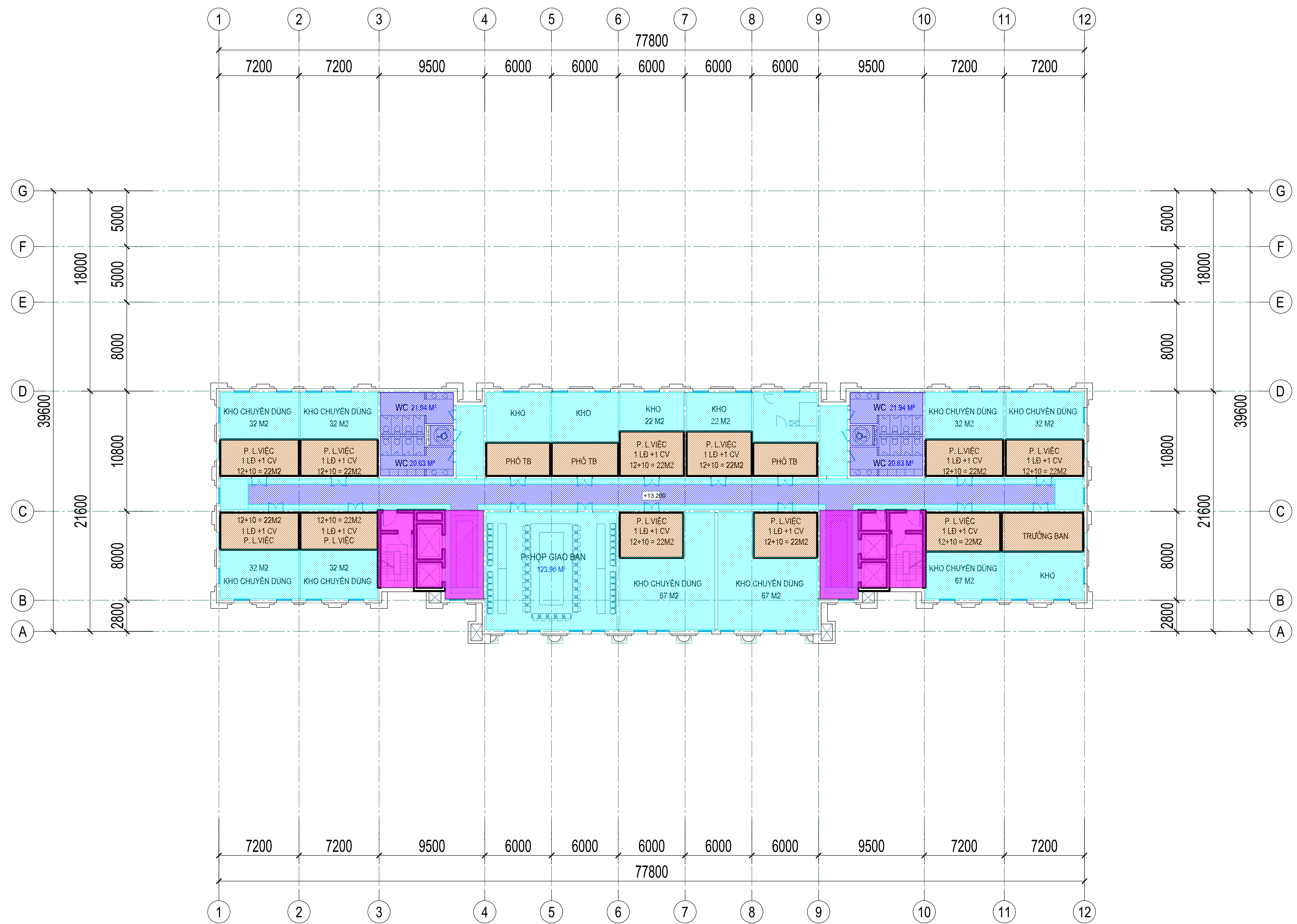
MẶT BẰNG TẦNG 1 2170 M2



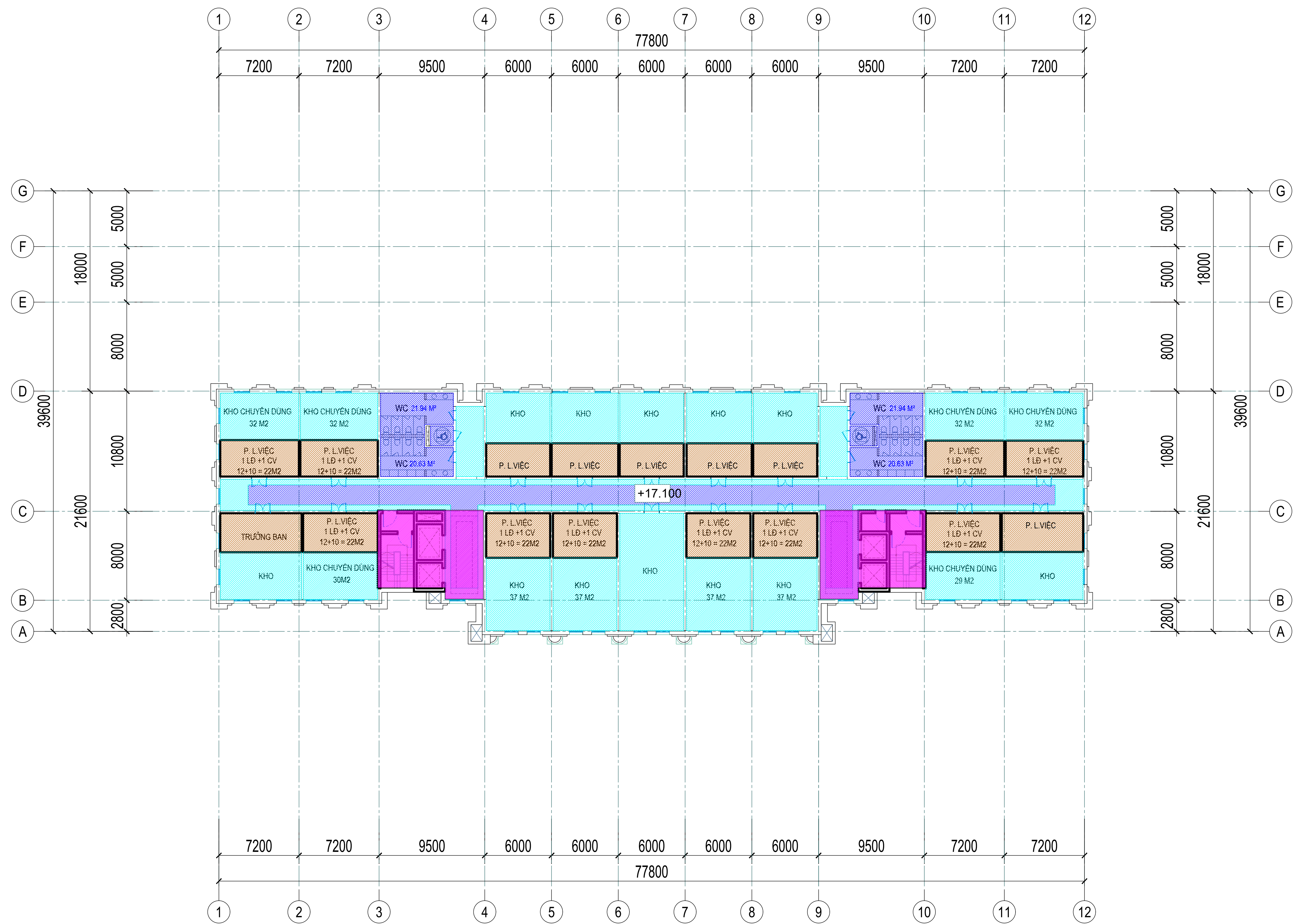
MẶT BẰNG TẦNG 2 1620.19 M²



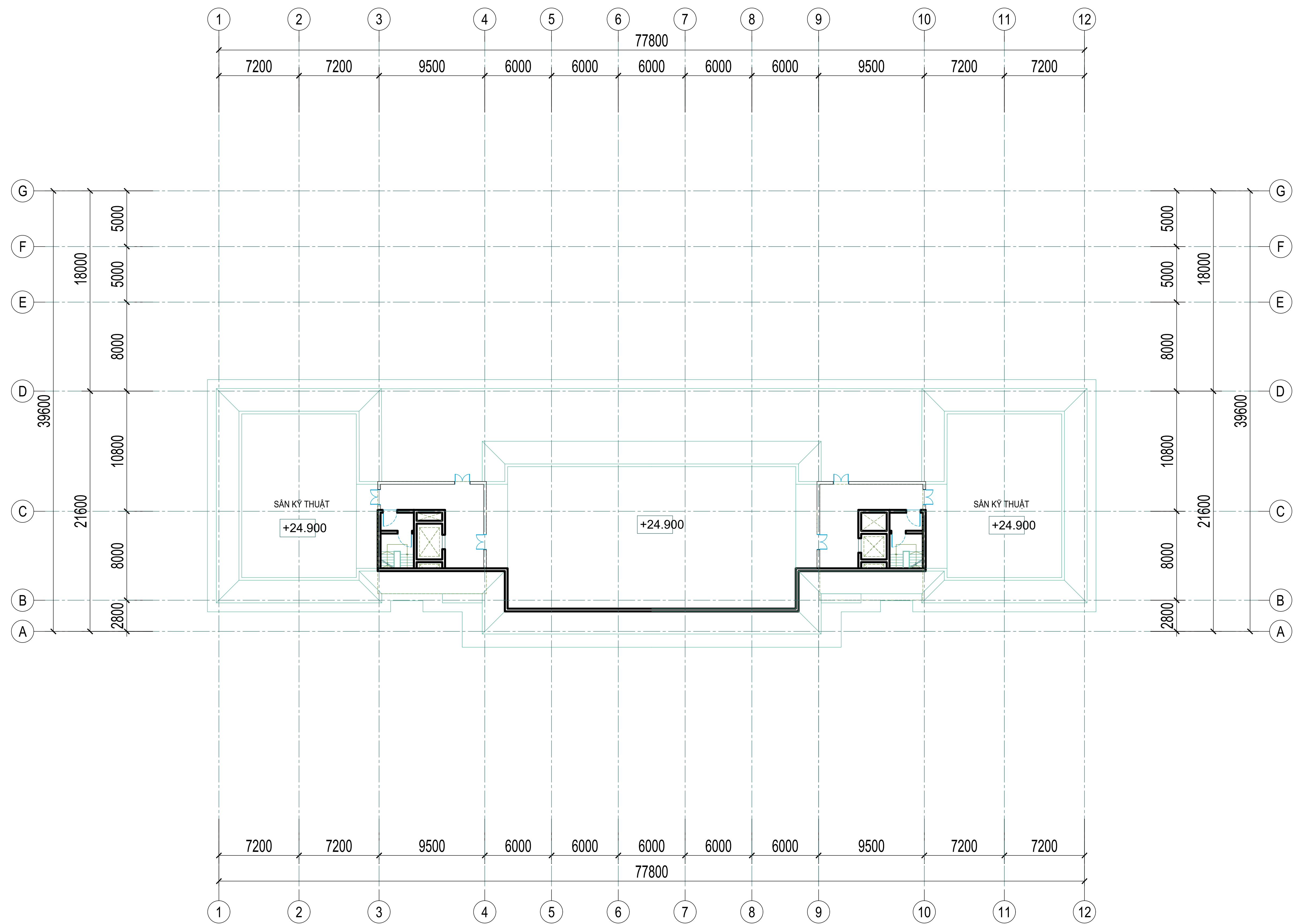
MẶT BẰNG TẦNG 3 1620.19 M²



MẶT BẰNG TẦNG 4 1620.19 M²

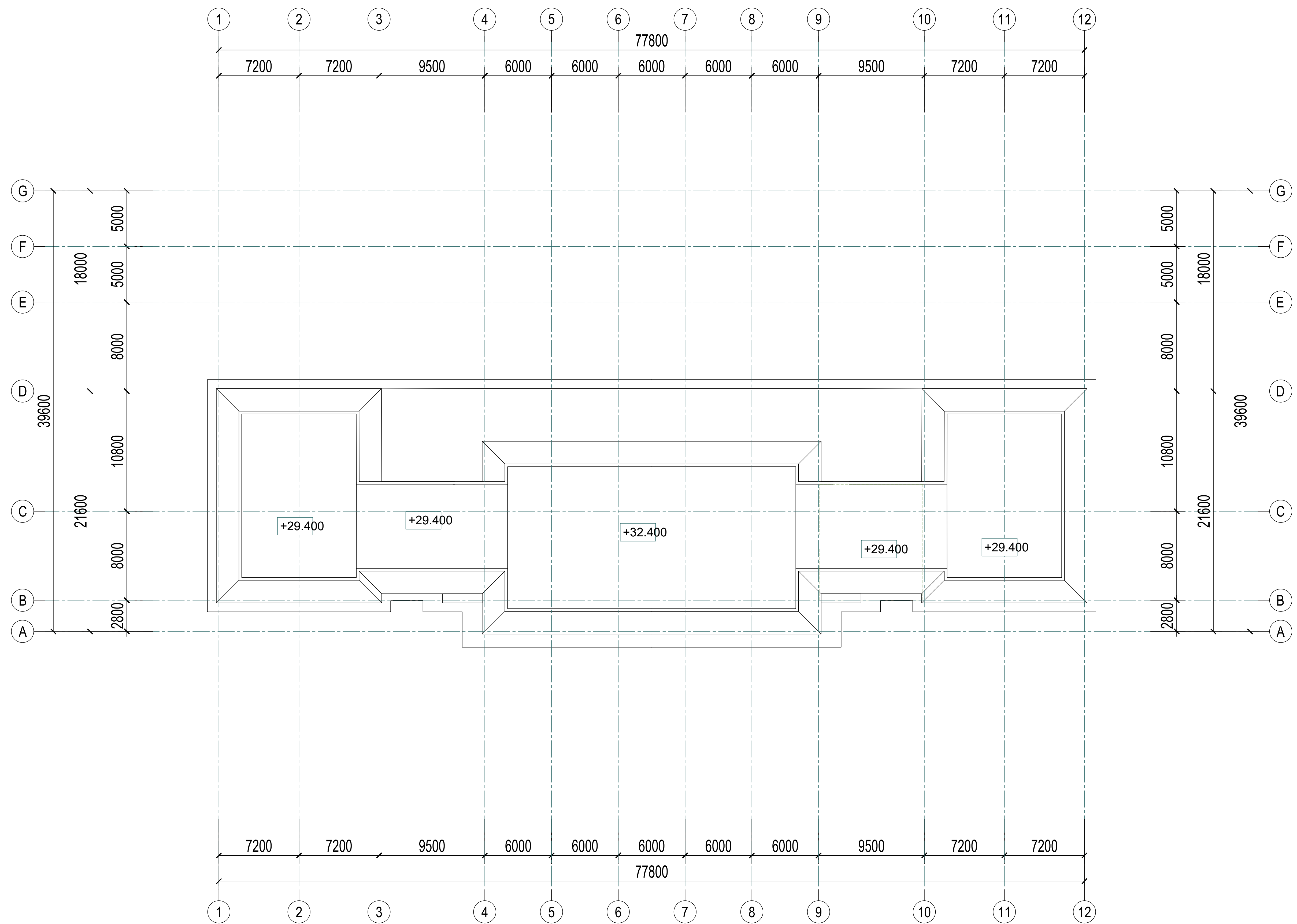


MẶT BẰNG TẦNG 5 1620.19 M²



MẶT BẰNG TẦNG 7

199 M2



MẶT BẰNG MÁI

SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án Xây dựng Trụ sở Tỉnh uỷ Thái Nguyên

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chi phí | Diễn giải | Khối lượng | Đơn vị tính | Đơn giá (theo SVĐT bao gồm VAT) | Hệ số KV1 | Giá trị trước thuế | Thuế VAT | Giá trị sau thuế | Ghi chú |
|-----------|--|-------------|------------|-------------|---------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------|------------------------|---|
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] | [11] |
| I | Chi phí xây dựng (Gxd) | | | | | | 109.982.598.045 | 10.998.259.804 | 120.980.857.849 | |
| 1 | Chi phí dự kiến gia cố nền móng công trình (sử dụng cọc khoan nhồi) | DT xd x ĐG | 2.170,00 | m2 | 4.784.866 | | 9.439.236.339 | 943.923.634 | 10.383.159.973 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |
| 2 | Chi phí xây dựng nhà trụ sở theo SVĐT | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 8.051.000 | 0,949 | 83.870.396.277 | 8.387.039.628 | 92.257.435.905 | SVĐT 510/QĐ-BXD Bảng 24 |
| 3 | Chi phí xây dựng HTKT | DT khu x ĐG | 0,9136 | ha | 7.331.000.000 | 0,903 | 5.498.122.041 | 549.812.204 | 6.047.934.245 | SVĐT 510/QĐ-BXD Vận dụng Bảng 56 |
| 4 | Chi phí xây dựng cho hệ thống PCCC tiên tiến | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 611.074 | | 6.707.896.050 | 670.789.605 | 7.378.685.655 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |
| 5 | Chi phí xây dựng cho hệ thống điều hòa tiên tiến | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 122.210 | | 1.341.525.079 | 134.152.508 | 1.475.677.587 | |
| 6 | Chi phí chống mối | DT sàn x ĐG | 2.170,00 | m2 | 95.619 | | 188.629.475 | 18.862.947 | 207.492.422 | |
| 7 | Chi phí xây dựng hệ thống tăng áp hút khói | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 101.903 | | 1.118.610.967 | 111.861.097 | 1.230.472.064 | |
| 8 | Chỉnh trang cải tạo các công trình hiện trạng lân cận (công trình an ninh, quốc phòng, hồ sen,...) | | | | | | 1.818.181.818 | 181.818.182 | 2.000.000.000 | Tạm tính |
| II | Chi phí thiết bị (Gtb - không bao gồm nội thất như bàn ghế, tủ tài liệu,...) | | | | | | 26.346.959.108 | 2.634.695.911 | 28.981.655.019 | |
| 1 | Chi phí thiết bị nhà trụ sở theo SVĐT | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 1.440.000 | | 15.807.207.273 | 1.580.720.727 | 17.387.928.000 | SVĐT 510/QĐ-BXD Bảng 24 |
| 2 | Chi phí thiết bị cho hệ thống PCCC tiên tiến | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 144.034 | | 1.581.097.295 | 158.109.730 | 1.739.207.025 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |
| 3 | Chi phí thiết bị cho hệ thống điều hòa tiên tiến | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 511.531 | | 5.615.197.051 | 561.519.705 | 6.176.716.756 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |
| 4 | Chi phí thiết bị cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật | DT khu x ĐG | 0,9136 | ha | 335.000.000 | | 278.232.727 | 27.823.273 | 306.056.000 | SVĐT 510/QĐ-BXD Vận dụng Bảng 56 |
| 5 | Chi phí thiết bị hệ thống tăng áp hút khói | DT sàn x ĐG | 12.074,95 | m2 | 30.787 | | 337.952.035 | 33.795.204 | 371.747.239 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |

| TT | Chi phí | Diễn giải | Khối lượng | Đơn vị tính | Đơn giá (theo SVĐT bao gồm VAT) | Hệ số KV1 | Giá trị trước thuế | Thuế VAT | Giá trị sau thuế | Ghi chú |
|-----|--|-----------|-----------------|-------------|---------------------------------|-----------|--------------------|-------------|------------------|---|
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] | [11] |
| 6 | Máy phát điện | | | | | | 2.727.272.727 | 272.727.273 | 3.000.000.000 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |
| III | Chi phí quản lý dự án (Gqlđa) | | | | | | 2.663.879.547 | | 2.663.879.547 | |
| | Công trình dân dụng | 1,954 | % x (Gxd+ Gtb) | | | | 2.663.879.547 | | 2.663.879.547 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| IV | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv) | | | | | | 8.171.554.596 | 817.155.460 | 8.988.710.055 | |
| 1 | Chi phí khảo sát xây dựng | Tạm tính | | | | | 454.545.455 | 45.454.545 | 500.000.000 | |
| 2 | Chi phí lập báo cáo NCKT (Gbcnckt) | 0,471 | % x (Gxd + Gtb) | | | | 642.112.214 | 64.211.221 | 706.323.436 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 3 | Chi phí thẩm tra báo cáo NCKT | 0,084 | % x (Gxd + Gtb) | | | | 114.516.828 | 11.451.683 | 125.968.511 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 4 | Chi phí thiết kế bản vẽ thi công | 2,785 | % x (Gxd + Gtb) | | | | 3.063.015.356 | 306.301.536 | 3.369.316.891 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 5 | Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Gtkbvtc) | 0,138 | % x (Gxd) | | | | 151.775.985 | 15.177.599 | 166.953.584 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 6 | Chi phí thẩm tra dự toán, tổng dự toán | 0,135 | % x (Gxd) | | | | 148.476.507 | 14.847.651 | 163.324.158 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 7 | Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HSDT tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi | 0,816 | % x Gbcnckt | | | | 5.239.636 | 523.964 | 5.763.599 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 8 | Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HSDT tư vấn thiết kế bản vẽ thi công | 0,576 | % x Gtgbvtc | | | | 17.642.968 | 1.764.297 | 19.407.265 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 9 | Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HSDT thi công xây dựng | 0,120 | % x (Gxd) | | | | 131.979.118 | 13.197.912 | 145.177.029 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 10 | Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HSDT mua sắm vật tư, thiết bị | 0,270 | % x (Gtb) | | | | 71.136.790 | 7.113.679 | 78.250.469 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 11 | Chi phí giám sát thi công xây dựng (Ggs) | 1,803 | % x (Gxd) | | | | 1.982.986.243 | 198.298.624 | 2.181.284.867 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 12 | Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HSDT tư vấn giám sát xây dựng | 0,701 | % x Ggs | | | | 13.910.294 | 1.391.029 | 15.301.323 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 13 | Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng | 4,072 | % x (Gks) | | | | 18.509.091 | 1.850.909 | 20.360.000 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 14 | Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị | 0,660 | % x (Gtb) | | | | 173.889.930 | 17.388.993 | 191.278.923 | TT số 12/2021/TT-BXD |
| 15 | Chi phí siêu âm, thí nghiệm nén tĩnh cọc | | | | | | 1.181.818.182 | 118.181.818 | 1.300.000.000 | Tham khảo công trình tương tự: Xây dựng Trụ sở làm việc khối CCQ tỉnh |
| V | Chi phí khác (Gk) | | | | | | 3.186.724.653 | 171.434.998 | 3.358.159.651 | |
| 1 | Phí thẩm định dự án đầu tư | 0,010 | % x TMDT | | | | 18.811.088 | | 18.811.088 | TT số 28/2023/TT-BTC |

| TT | Chi phí | Diễn giải | Khối lượng | Đơn vị tính | Đơn giá (theo SVĐT bao gồm VAT) | Hệ số KV1 | Giá trị trước thuế | Thuế VAT | Giá trị sau thuế | Ghi chú |
|-----|--|------------|---------------------------|-------------|---------------------------------|-----------|--------------------|----------------|------------------|--|
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] | [11] |
| 2 | Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật | 0,082 | % x Gxd | | | | 90.185.730 | | 90.185.730 | TT số 27/2023/TT-BTC |
| 3 | Phí thẩm định dự toán xây dựng | 0,080 | % x Gxd | | | | 87.986.078 | | 87.986.078 | TT số 27/2023/TT-BTC |
| 4 | Chi phí kiểm toán | | | | | | | | | NĐ số 99/2021/NĐ-CP |
| | Công trình dân dụng | 0,510 | % x TMĐT | | | | 959.365.495 | | 959.365.495 | |
| 5 | Phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | | | | | | | | | NĐ số 99/2021/NĐ-CP |
| | Công trình dân dụng | 0,336 | % x TMĐT x50% | | | | 316.026.281 | | 316.026.281 | |
| 6 | Chi phí bảo hiểm công trình | 0,140 | % x (Gxd + Gtb) | | | | 190.861.380 | 19.086.138 | 209.947.518 | NĐ số 67/2023/NĐ-CP |
| 7 | Chi phí nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng | 20,000 | % x Ggstcd | | | | 396.597.249 | 39.659.725 | 436.256.973 | TT số 10/2021/TT-BXD |
| 8 | Phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC | 0,00463 | % x TMĐT | | | | 8.709.534 | 870.953 | 9.580.487 | TT số 258/2016/TT-BTC |
| 9 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu | Lấy tối đa | | | | | 54.545.455 | 5.454.545 | 60.000.000 | NĐ số 24/2024/NĐ-CP |
| 10 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp | Lấy tối đa | | | | | 54.545.455 | 5.454.545 | 60.000.000 | NĐ số 24/2024/NĐ-CP |
| 11 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị | Lấy tối đa | | | | | 54.545.455 | 5.454.545 | 60.000.000 | NĐ số 24/2024/NĐ-CP |
| 12 | Chi phí thi tuyển kiến trúc | Tạm tính | | | | | 590.909.091 | 59.090.909 | 650.000.000 | |
| 13 | Chi phí nghiệm thu đóng điện | Tạm tính | | | | | 45.454.545 | 4.545.455 | 50.000.000 | |
| 14 | Các chi phí khác | Tạm tính | | | | | 318.181.818 | 31.818.182 | 350.000.000 | Chi phí chưa lường trước được trong quá trình lập đề xuất CTĐT |
| VI | Dự phòng phí (Gdp) | | | | | | 21.049.240.233 | 2.088.379.006 | 23.137.619.239 | |
| 1 | Dự phòng phát sinh khối lượng | 10 | %*(Gxd+Gtb+Gqlda+Gvtk+Gk) | | | | 15.035.171.595 | 1.503.517.159 | 16.538.688.754 | |
| 2 | Dự phòng trượt giá | 4,0 | %*(Gxd+Gtb+Gqlda+Gvtk+Gk) | | | | 6.014.068.638 | 584.861.847 | 6.598.930.485 | |
| | TỔNG MỨC ĐẦU TƯ | | | | | | 171.400.956.182 | 16.709.925.179 | 188.110.881.361 | |
| | LÀM TRÒN | | | | | | 171.400.956.000 | 16.709.925.000 | 188.110.881.000 | |

Số: **3442**/BC-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày **14** tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 2394/TTr-SXD ngày 10/8/2024 của Sở Xây dựng về việc trình thẩm định Đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

- Tờ trình số 2394/TTr-SXD ngày 10/8/2024 của Sở Xây dựng về việc trình thẩm định Đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên;
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên số 2393/BC-SXD ngày 10/8/2024;
- Các văn bản, tài liệu khác liên quan.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

5. Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

6. Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

7. Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng Công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

8. Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

9. Công văn số 4190/UBND-CNN&XD ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên;

10. Công văn số 1524-CV/VPTU ngày 29/7/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án kèm theo các Quyết định phê duyệt Đề án chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: số 2046-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2047-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2048-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2050-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2051-QĐ/TU ngày 10/5/2024; số 2058-QĐ/TU ngày 20/5/2024;

11. Văn bản số 2376/SXD-QLXD ngày 09/8/2024 của Sở Xây dựng, về kết quả đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng Nhà B trụ sở Tỉnh ủy Thái Nguyên;

12. Các văn bản tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Thanh tra tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên.

3. Hình thức thẩm định: Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Phần thứ hai
Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN
XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG

1. Tên dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.
2. Dự án nhóm: Nhóm B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Xây dựng.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 188.111 triệu đồng. *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ một trăm mười một triệu đồng).*
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn đầu tư công Ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án): Năm 2024 - 2027.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư xây dựng mới.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ

1. Ý kiến của Văn phòng Tỉnh ủy tại Văn bản số 1553-CV/VPTU ngày 12/8/2024

Để đảm bảo điều kiện hoạt động và làm việc của Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, việc đầu tư xây dựng mới một công trình trụ sở làm việc của Tỉnh ủy đồng bộ, trang thiết bị kỹ thuật đầy đủ, hiện đại, phù hợp mỹ quan là rất cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tế hiện nay.

Văn phòng Tỉnh ủy đồng ý, thống nhất về nội dung đầu tư Xây dựng mới Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

2. UBND thành phố Thái Nguyên tại Văn bản số 4370/UBND-QLĐT ngày 13/8/2024

Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Thái Nguyên; phù hợp Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên; phù hợp quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực dự án.

UBND thành phố Thái Nguyên thống nhất với chủ trương đầu tư dự án.

3. Ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 3056/STC-TCĐT ngày 13/8/2024

- Dự án có mức khái toán chi phí xây dựng là 149.961 triệu đồng. Diện tích theo thiết kế dự kiến 12.074,9m². Chi phí đầu tư phù hợp với quy định tại Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp hay bộ phận kết cấu công trình xây dựng năm 2022. Ngoài ra có dự toán (*chi phí dự kiến gia cố nền móng công trình bằng Cọc khoan nhồi, Chi phí xây dựng hệ thống PCCC tiên tiến và chi phí chỉnh trang công trình quốc phòng, hầm*).

- Đối với diện tích phòng làm việc của các chức danh: Theo thiết kế sơ bộ 1.666,3m² đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ. Đơn vị đề xuất chịu trách nhiệm về số lượng cán bộ theo biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị theo báo cáo đề xuất chủ trương thực hiện dự án.

- Diện tích sử dụng chung: 996,29 m² chiếm 59,2% diện tích làm việc các chức danh trong trụ sở làm việc (vượt 9,2% theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ). Đối với nội dung này, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017¹ của Chính phủ đảm bảo đúng thẩm quyền quyết định trong trường hợp cần bố trí diện tích sử dụng chung cao hơn quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 để đảm bảo yêu cầu sử dụng của trụ sở làm việc.

- Đối với diện tích Khối phụ trợ, diện tích thang bộ, thang máy và diện tích kết cấu, diện tích các phòng họp, hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) và các nội dung

¹ Thẩm quyền quyết định trong trường hợp cần bố trí diện tích sử dụng chung cao hơn quy định tại khoản 2 Điều này để đảm bảo yêu cầu sử dụng của trụ sở làm việc:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích tăng dưới 10% so với diện tích quy định tại khoản 2 Điều này.

khác Sở Tài chính đã tham gia tại Văn bản số 2891/STC-HCSN ngày 30/7/2024; văn bản số 2972/STC-QLNS ngày 08/8/2024, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, sự phù hợp trong sử dụng.

Sở Tài chính đồng ý đề xuất chủ trương thực hiện dự án.

4. Ý kiến của Sở Xây dựng tại Văn bản 2438/SXD-QLXD ngày 13/8/2024

- Vị trí khu đất phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Phần ngầm của các công trình xây dựng trong đề xuất dự án đã phù hợp với quy hoạch phân khu được duyệt tại Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

- Chỉ tiêu sử dụng đất (*bao gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa, tối thiểu của công trình*) đã phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Các hạng mục, công năng dự án phù hợp quy định tại Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên số 32/2019/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 và các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

Sở Xây dựng nhất trí về đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

5. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3330/STNMT-QLĐĐ ngày 13/8/2024

Khu đất thực hiện Dự án có diện tích đất khoảng 9.136m² nằm trong khu đất có diện tích đất là 37.598,3m², hiện đang là Trụ sở làm việc Tỉnh ủy. Khu đất này Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/5/2023, có số phát hành DL 279888.

Vị trí đất thực hiện Dự án xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 và Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024. Dự án thực hiện không làm

thay đổi ranh giới, vị trí, diện tích sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phát sinh bồi thường giải phóng mặt bằng.

Dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 188,111 tỷ đồng (tương đương dự án nhóm B). Đối chiếu quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên thuộc dự án đầu tư nhóm II; không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo khoản 1 Điều 29; không thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường theo khoản 1 Điều 30; không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên.

6. Ý kiến của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tại Văn bản số 3102/BCH-TM ngày 13/8/2024

Đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh nhất trí. Tuy nhiên ở phía Bắc tòa nhà dự kiến xây dựng mới đang có công trình quốc phòng, được quản lý theo Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đề nghị khi triển khai thực hiện dự án không tác động ảnh hưởng đến chất lượng công trình quốc phòng. Khi cần phủ lấp, kết nối đường vào công trình quốc phòng phối hợp cùng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện.

7. Ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1391/STP-XD&KTrVB ngày 13/8/2024

Trên cơ sở hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp đối chiếu với quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, Sở Tư pháp nhất trí với nội dung đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

8. Ý kiến của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 1348/TTR-NV2 ngày 13/8/2024

Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Dự án phù hợp về chức năng sử dụng đất với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công.

Thanh tra tỉnh đồng ý thực hiện dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên theo quy định.

(Có các Văn bản tham gia ý kiến kèm theo)

Tổng hợp ý kiến thẩm định:

| STT | Cơ quan thẩm định | Ý kiến thẩm định |
|-----|-----------------------------|------------------|
| 1 | Văn phòng Tỉnh ủy | Đồng ý |
| 2 | Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh | Đồng ý |
| 3 | Sở Tài chính | Đồng ý |
| 4 | Sở Xây dựng | Đồng ý |
| 5 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Đồng ý |
| 6 | Thanh tra tỉnh | Đồng ý |
| 7 | Sở Tư pháp | Đồng ý |
| 8 | UBND thành phố Thái Nguyên | Đồng ý |

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Nhà A - Trụ sở Tỉnh ủy được xây dựng từ những năm 1970 của thế kỷ trước, hệ thống trang thiết bị cũ, hỏng nhiều, công trình đã xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an toàn và mỹ quan chung của khu vực trụ sở Tỉnh ủy. Trong quá trình sử dụng, nhà A đã cải tạo, sửa chữa nhiều lần nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất phục vụ công tác của Thường trực Tỉnh ủy.

Nhà B - Trụ sở Tỉnh ủy là công trình được xây dựng từ những năm 1960 của Thế kỷ trước, đến nay đã có thời gian sử dụng được trên 60 năm. Công trình thường xuyên phải thực hiện cải tạo để đảm bảo đáp ứng an toàn và nhu cầu làm việc của các cơ quan giúp việc cho Tỉnh ủy (*hiện nay công trình này đang sắp xếp vị trí làm việc cho: Văn phòng Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên*).

Theo Văn bản số 2376/SXD-QLXD ngày 09/8/2024 của Sở Xây dựng Thái Nguyên về kết quả đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng nhà B trụ sở Tỉnh ủy Thái Nguyên, cụ thể: Khả năng chịu lực của một bộ phận kết cấu Nhà B - Trụ sở Tỉnh ủy không đáp ứng được điều kiện sử dụng, xuất hiện tình trạng nguy hiểm cục bộ (*Cấp nguy hiểm của công trình tương đương là: C theo Bảng 7 Quyết định số 681/QĐ-BXD ngày 12/7/2016 của Bộ Xây dựng*); tại văn bản này Sở Xây dựng thống nhất nội dung đề nghị tại Báo cáo đánh giá an toàn công trình, kiểm định xây dựng Nhà B trụ sở Tỉnh ủy Thái Nguyên của Trung

tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên đối với đơn vị quản lý sử dụng công trình cụ thể là: Căn cứ nhu cầu sử dụng và quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng tài sản để phá bỏ một phần công trình, toàn bộ công trình nhằm thay thế, khắc phục phần công trình bị hư hỏng và xem xét xây dựng lại công trình mới để đảm bảo an toàn; Xem xét, kịp thời có giải pháp đảm bảo an toàn cho người, tài liệu, thiết bị và công trình (*sớm xem xét việc hạn chế người làm việc trong công trình, di dời tài sản ra khỏi công trình đến khi có giải pháp phù hợp*).

Do vậy để đảm bảo hoạt động của Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban xây dựng Đảng, việc đầu tư xây dựng mới công trình đồng bộ, trang thiết bị kỹ thuật đầy đủ, hiện đại đáp ứng được mức độ quan trọng cấp I của công trình trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thái Nguyên là yêu cầu cấp thiết.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định:

- Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã đảm bảo theo quy định tại Điều 31, Luật Đầu tư công năm 2019.

- Thành phần hồ sơ: Đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- Dự án phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 20/12/2016 (*vị trí khu đất được quy hoạch là đất hỗn hợp (dịch vụ - thương mại, văn phòng - ở*).

- Dự án phù hợp Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 (*khu vực quy hoạch là đất cơ quan, trụ sở*).

- Dự án phù hợp Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 (*vị trí khu đất được quy hoạch là đất cơ quan*).

- Vị trí khu đất thực hiện Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 và Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024.

4. Sự phù hợp tiêu chí phân loại dự án: Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 188.111 triệu đồng, thuộc dự án nhóm B theo tiêu chí phân loại tại Điều 9, Luật Đầu tư công năm 2019.

5. Các nội dung quy định tại Điều 31, Luật Đầu tư công 2019

5.1. Mục tiêu

Việc đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên nhằm các mục tiêu chính như sau:

- Xây dựng trụ sở mới nhằm đáp ứng điều kiện làm việc, công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy.
- Góp phần chỉnh trang kiến trúc cảnh quan các công trình trong cơ quan Tỉnh ủy, đóng góp vào sự phát triển chung không gian đô thị.

5.2. Phạm vi, địa điểm

- Diện tích sử dụng đất: 9.136 m².
- Địa điểm: Khuôn viên khu đất của Tỉnh ủy Thái Nguyên thuộc phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5.3. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới Nhà trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên với diện tích xây dựng khoảng 2.170 m², 07 tầng cao và 01 tầng hầm. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 12.075 m².
- Nâng cấp đường dây và Trạm biến áp.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Hệ thống trang thiết bị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác đồng bộ.

5.4. Thời gian, tiến độ thực hiện:

Tiến độ thực hiện dự án được đề xuất thực hiện trong 04 năm: 2024-2027 là phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực.

5.5. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên thuộc dự án đầu tư nhóm II; không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo khoản 1 Điều 29; không thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường theo khoản 1 Điều 30; không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

5.6. Về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; dự kiến bố trí vốn

a. Về nguồn vốn dự kiến: Ngân sách địa phương: **188.111** triệu đồng. Trong đó dự kiến:

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 32.806 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương (cấp tỉnh quản lý) giai đoạn 2026-2030: 155.305 triệu đồng.

b. Về khả năng cân đối vốn, bố trí vốn

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: **32.806 triệu đồng** là đảm bảo khả năng cân đối vốn, bố trí vốn trong giai đoạn 2021-2025 (phù hợp với nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho các dự án chuẩn bị đầu tư chưa phân bổ, trong đó: *nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 20.697 triệu đồng; nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất 12.127 triệu đồng*).

- Nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030: 155.305 triệu đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công²: Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên là **22.433.608 triệu đồng**, tổng mức đầu tư (TMĐT) của các dự án phân kỳ đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 không quá 20% tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **4.487.721 triệu đồng**. Hiện nay tỉnh Thái Nguyên có 05 dự án⁽³⁾ cần bố trí vốn sang giai đoạn 2026-2030 với số vốn là **1.220.824 triệu đồng**. Số vốn còn lại được phép bố trí sang giai đoạn 2026-2030 là **3.266.897 triệu đồng**, do vậy số vốn **155.305 triệu đồng** trong giai đoạn 2026-2030 của dự án Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên là đảm bảo phù hợp với quy định của Luật đầu tư công.

6. Hiệu quả kinh tế - xã hội

- Dự án hoàn thành tạo sự đồng bộ về hệ thống cơ sở vật chất, đảm bảo đáp ứng nhu cầu, điều kiện làm việc của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, tạo môi trường khang trang, cơ sở vật chất hiện đại đảm bảo nâng cao chất lượng công việc.

7. Các nội dung khác

² “Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó”.


³ Bao gồm: (1) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên có TMĐT 921.178 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **641.201 triệu đồng**; (2) Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên có TMĐT 489.188 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **189.188 triệu đồng** theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024; (3) Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266) có TMĐT 739.991 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **302.028 triệu đồng** theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; (4) Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục có TMĐT 137.908 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **47.908 triệu đồng** theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; (5) Dự án Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và Trụ sở làm việc Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên có TMĐT 72.516 triệu đồng, kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 cần bố trí **40.499 triệu đồng** theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024.

- Ở phía Bắc tòa nhà dự kiến xây dựng mới đang có công trình quốc phòng, được quản lý theo Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Đề nghị Sở Xây dựng và đơn vị thực hiện dự án khi triển khai thi công xây dựng không tác động ảnh hưởng đến chất lượng công trình quốc phòng. Khi cần phủ lấp, kết nối đường vào công trình quốc phòng cần phối hợp cùng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện.

- Theo ý kiến của Sở Tài chính, diện tích sử dụng chung: 996,29 m² chiếm 59,2% diện tích làm việc các chức danh trong trụ sở làm việc (*vượt 9,2% theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ*), đề nghị Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. KẾT LUẬN

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên, đề nghị Sở Xây dựng hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- Xây dựng, TN&MT;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND TP Thái Nguyên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, THQH.

Triều 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Phương Hoa